

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc và bà Bùi Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ
ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng
4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá A, sinh năm 1994, (xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã Đ, huyện S,
tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện nay: 326-0338 1934-1 Fuliui - cho, Ashikaga-shi, Tochigi,
Eldim MURTA B Building 205 HOMINHHAI, Japan

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1954, (xin xét xử vắng mặt);

3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957, (xin xét xử vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/9/2021 và quá trình tố tụng nguyên
đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá A được tự do tìm hiểu và được gia
đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán tại địa phương ngày 01/5/2013, nhưng
chưa đăng ký kết hôn do chị T không đủ tuổi. Đến ngày 23 tháng 01 năm 2014,

anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi tổ chức hôn lễ chị T về chung sống cùng gia đình anh A. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến khi chị T sinh cháu Nguyễn Duy I (tháng 01 năm 2017) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A thường hay rượu chè không quan tâm đến vợ con, khi chị T góp ý khuyên bảo thì anh A dùng từ ngữ xúc phạm chị và tri triết, mắng chửi thậm tệ chị T, khi cháu I được 3 tháng tuổi chị phải để con ở nhà đi làm ăn kinh tế nuôi các con và phụ anh A học tiếng Nhật, trong thời gian này vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh A thường xuyên gây sự với chị T. Đến khi cháu I được 6 tháng 15 ngày tuổi chị T không chịu được cảnh chung sống không hòa thuận giữa hai vợ chồng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, chị T và anh A đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh A cũng không liên lạc và hỏi han quan tâm gì đến mẹ con chị T.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014 và cháu Nguyễn Duy I, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay cháu E đang ở cùng ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H (ông bà nội cháu E), còn cháu I ở với chị T. Ly hôn, chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy I; anh A nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do chị T đề nghị để anh A nuôi cháu E vì hai cháu đều là con chung của anh chị nên để mỗi người nuôi một cháu sẽ công bằng hơn. Hơn nữa, kể từ khi ly thân, cháu E ở cùng ông bà nội từ khi còn nhỏ, cháu đã quen ông bà và cuộc sống và học tập của cháu đang ổn định nên chị không muốn xáo trộn cuộc sống của cháu. Mặc dù cháu E ở cùng ông bà nội nhưng anh A đã chu cấp để ông bà nội chăm sóc cháu, không để cháu E phải thiếu thốn về mặt vật chất và tình cảm. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của anh A và cả nguyện vọng của cháu E.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Bá A gửi về cho Tòa án, anh A trình bày: Anh A thống nhất về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khi chung sống được ba năm, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, gánh nặng về cuộc sống vật chất, kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng từ khi chị T sinh cháu I, sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn G, xã N, huyện S. Trong thời gian đó vợ chồng có liên lạc nhưng tình cảm không thể hàn gắn được, không thể nói chuyện được với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Về con chung: Anh A xác nhận như chị T trình bày là đúng. Anh A đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy I, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do anh A đang đi làm ăn xa nên anh A nhờ bố mẹ đẻ anh A là ông

Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc cháu E, đến khi anh A hết hạn hợp đồng trở về nước thì ông Dũng và bà Hoạt giao cháu E cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình anh A làm việc bên nước ngoài, anh A và chị T cũng đã thống nhất để anh A trực tiếp nuôi cháu E, chị T trực tiếp nuôi cháu I như nguyện vọng của hai bên.

Về tài sản: Anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Bá A. Anh Nguyễn Bá A và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức hôn lễ ngày 01/5/2013, nhưng chưa đăng ký kết hôn do chị T chưa đủ tuổi. Ngày 23 tháng 01 năm 2014, anh A và chị T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Bắc, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh A, chị T chung sống cùng gia đình ông bà. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng anh chị hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến khi vợ chồng anh A, chị T sinh cháu thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh A, chị T không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, chị T ba lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, gia đình hai bên đã khuyên bảo giàn xếp rất nhiều lần nhưng chị T không quay về đoàn tụ chung sống cùng anh A. Vợ chồng anh A, chị T sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn với anh A, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014; và cháu Nguyễn Duy I, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay cháu E đang ở cùng ông bà, còn cháu I ở với chị T. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy I; anh A nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khắc E. Bởi vì từ khi chị T và anh A ly thân, cháu E ở cùng anh A và ông bà. Sau khi anh A đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng ông bà hỗ trợ anh A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E. Cháu E ở cùng ông bà từ nhỏ nên cháu đã quen và hiện nay cháu vẫn được đi học tập ở trường như bao bạn bè khác, ông bà không để cháu thiếu thốn điều gì, cuộc sống của cháu đang ổn định không nên xáo trộn cuộc sống của cháu. Mặc dù cháu E ở cùng ông bà nhưng anh A thường xuyên chu cấp để ông bà chăm sóc cháu E.

Nay anh A có nguyện vọng mong muốn để ông bà giúp đỡ hỗ trợ anh A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E cho đến khi anh A về nước thì ông bà đồng ý vì ông bà có chỗ ở ổn định, có thời gian, còn kinh tế là do anh A chu cấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá A. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi

đưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Duy I, sinh ngày 27/01/2017. Anh Nguyễn Bá A được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn. Hiện do anh A đang lao động tại Nhật Bản, do đó tạm giao cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014 cho ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H (là ông bà nội cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu E cho đến khi anh A về nước. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và xác nhận về nơi cư trú, bị đơn anh Nguyễn Bá A, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn và con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[1.2] Khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Bá A lao động tại Nhật Bản. Ngày 25/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhận được Bản tự khai và đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Bá A gửi từ Nhật Bản về. Tại Kết luận giám định số 375/KL-KTHS ngày 31/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Bá A dưới mục “Người viết tự khai” trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Bá A dưới mục “Chồng” trên mẫu so sánh là Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Bá A với chị Nguyễn Thị T do UBND xã Đức Bác, huyện Sông Lô cấp ngày 23/01/2014 và chữ ký dưới mục “NGƯỜI NHẬN HÀNG” tại Phiếu xuất kho ngày 19/11/2015 của Công ty TNHH Trường Thọ Việt Nam do cùng một người ký và viết ra. Căn cứ Điều 94, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[1.3] Tại bản tự khai đề ngày 15/10/2021 của bị đơn anh Nguyễn Bá A gửi đến Tòa án ngày 25/10/2021, bị đơn xin xét xử vắng mặt với lý do hiện đang cư trú ở xa nên không thể đến phiên tòa. Căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá A được tự do tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ ngày 01/5/2013, nhưng chưa đăng ký kết hôn do chị T chưa đủ tuổi. Ngày 23 tháng 01 năm 2014, anh A và chị T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc nên đây là hôn nhân hợp pháp

Sau khi tổ chức hôn lễ chị T về chung sống cùng gia đình anh A. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Anh A và chị T đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh vào tháng 01 năm 2017, khi chị T sinh cháu Nguyễn Duy I, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hoà hợp, bất đồng về quan điểm và về kinh tế. Đến khoảng tháng 6 năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng chị T, anh A sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh A và chị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, anh A và chị T đều đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Như vậy, hôn nhân của anh Nguyễn Bá A và chị Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá A là chính đáng nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Bá A.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Bá A và chị Nguyễn Thị T thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014; và cháu Nguyễn Duy I, sinh ngày 27/01/2017. Ly hôn anh chị đều thống nhất để anh A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E, chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu I. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do anh A đang đi làm ăn xa nên có nguyện vọng uỷ quyền cho bố mẹ đẻ anh A là ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc cháu E giúp anh cho đến khi anh về nước.

Xét nguyện vọng của chị T và anh A về việc để anh A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E, chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu I, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ khoảng tháng 6/2017 sinh sống thì cháu E ở với anh A và ông bà nội, cháu I ở với chị T. Đến tháng 11/2017 anh A xuất cảnh sang Nhật Bản lao động, cháu E ở với ông bà nội.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Tiến D, bà Trần Thị H (Bút lục 31), ông Dũng, bà Hoạt trình bày: Nếu anh A chị T ly hôn đề nghị Toà án giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy I; anh A nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khắc E. Bởi vì từ khi chị T và anh A ly thân, cháu E ở cùng anh A và ông bà. Sau khi anh A đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng ông bà hỗ trợ anh A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E. Cháu E ở cùng ông bà từ nhỏ nên cháu đã quen và ổn định cuộc sống, học tập. Nay anh A có nguyện vọng mong muốn để ông bà giúp đỡ hỗ trợ anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E cho đến khi anh A về nước thì ông bà đồng ý.

Tại Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Hoàng Khắc E (Bút lục 29), cháu E trình bày: Cháu E ở cùng bố và ông bà nội từ nhỏ, đến năm 2017 bố cháu đi Nhật, cháu tiếp tục ở cùng ông bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở cùng bố và ông bà nội vì hiện nay cháu đang học tập ổn định ở trường.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh A, ông Dũng, bà Hoạt với nguyện vọng của cháu E, sự tự nguyện thỏa thuận và nguyện vọng trên phù hợp

với quy định của pháp luật, đồng thời để đảm bảo cho cháu E, tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt của cháu E, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh A, giao cháu E cho anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu I cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh chị và phù hợp với điều kiện sinh hoạt của các cháu và đồng thời phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hiện nay anh A đang lao động tại Nhật Bản nên tạm giao cháu E cho ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H là bố mẹ đẻ anh A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu E cho đến khi anh A về nước. Anh A, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung.

[2.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá A đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu chi phí trưng cầu giám định và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có cơ sở, cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469, Điều 478, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014 cho anh Nguyễn Bá A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Duy I, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Tạm giao cháu Nguyễn Hoàng Khắc E, sinh ngày 23/01/2014 cho ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H (bố mẹ đẻ anh A) chăm sóc nuôi dưỡng cháu E trong thời gian anh Nguyễn Bá A lao động tại Nhật Bản cho đến khi anh A về nước.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006751 ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đức Bác, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc
- Đương sự;
- Lưu HS-HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà